

Bài Thứ 26 – Các Tính Từ

Anh chị đã biết một dạng thức biến thể của tính từ - các tính từ thể loại 1. Hôm nay chúng ta sẽ xem lại thể loại này cũng như tiến xa hơn với các thể loại khác. Anh chị đã nhận thấy là tính từ không có gì là khó, hơn nữa kiến thức về tính từ mở cửa cho việc sử dụng vô số các từ nhỏ mà người Hy-lạp ưa chuộng.

Các tính từ của thể loại 2 và 3

Điều mà các nhà ngữ pháp học (văn phạm học) gọi là « **danh từ** » thật ra bao gồm nhiều thể loại từ ngữ : các **thể từ**, các **đại từ và các tính từ** có thể thay thế cho các thể từ. Nhưng

- Tất cả các danh từ trên nguyên tắc có khả năng **biến thể**,
- Trên căn bản, **không có dạng thức biến thể nào khác hơn** các thể từ

Chúng ta có thể phân loại các tính từ thành 3 thể loại tùy theo dạng thức biến thể mỗi tính từ tùy thuộc về :

- **Thể loại thứ nhất** : Giống đực / giống trung của dạng thức biến thể thứ 2 ; Giống cái của dạng thức biến thể thứ nhất hay tương tự với giống đực.
- **Thể loại thứ nhì** : Giống đực / giống cái / giống trung của dạng thức biến thể thứ 3 [giống cái, giống trung như giống đực].
- **Thể loại thứ 3** : Giống đực / giống trung của dạng thức biến thể thứ 3; Giống cái của dạng thức biến thể thứ nhất.

καινός, ή, όν ου άδικος, ος, ον : **thể loại thứ nhất**
έλάσσων, ων, ον ου άληθής, ής, ές : **thể loại thứ nhì** [không có tính từ giống đực ở dạng thức biến thể thứ nhất ...]
μέγας, μεγάλη, μέγα hay các động tính từ : **thể loại thứ 3**

HỖ TRỢ : thể thức danh cách sẽ luôn luôn cho anh chị biết **dạng thức biến thể nào áp dụng đối với từ đi trước đó.**

Các tính từ thuộc thể loại thứ nhì

Các tính từ thuộc thể loại thứ nhì tuân theo quy tắc của **dạng thức biến thể thứ 3**, và các tính từ này chỉ có 2 thể thứ vì **giống đực và giống cái** đều giống như nhau, nhưng lại có 2 loại :

- Với mệnh đề **thuộc phụ âm**, với -ων, ον, rất hiếm, các tính từ này biến thể như ήγεμών, όνος
- Với mệnh đề **thuộc nguyên âm**, với -ής, ές, các tính từ này biến thể gần như έθνος, ους : đó là các thể thức chập lại với dấu lùi lại (trở ngược lên) ở mức tối đa.

	ἄφρων, ον <i>kẻ đại dột</i>		ἀσθενής, ἐς <i>yếu đuối, bệnh tật</i>	
	Giống Đực/Cái	Giống Trung	Giống Đực/Cái	Giống Trung
[đc] Số ít.	ἄφρων	ἄφρον	ἀσθενής	ἀσθενές
[đc]	ἄφρονα	ἄφρον	ἀσθενή	ἀσθενές
[tc]	ἄφρονος		ἀσθενούς	
[tgc]	ἄφρονα		ἀσθενεί	
[đc] Số nhiều.	ἄφρονες	ἄφρονα	ἀσθενεῖς	ἀσθενή
[đc]	ἄφρονας	ἄφρονα	ἀσθενεῖς	ἀσθενή
[tc]	ἄφρόνων		ἀσθενῶν	
[tgc]	ἄφροσι[v]		ἀσθέσι[v]	

LƯU Ý

- **Thể thứ hô cách** gần như với danh cách của Hy-lạp ngữ thánh kinh
- Đối cách giống đực/cái số ít và Danh cách/Hô cách, Đối cách giống trung số nhiều đều có một thể thức như nhau.

Các tính từ thuộc thể loại thứ 3 :

Các tính từ này ở giống đực và giống trung tuân theo thể thức của **dạng thức biến thể thứ 3**, với mệnh đề riêng, còn ở giống cái thì lại dạng thức biến thể thứ nhất. Anh chị đã xem qua dạng thức biến thể này với động tính từ ở thì hiện tại chủ động.

	πᾶς, πᾶσα, πᾶν tất cả, (giống đực, giống trung và giống cái) – ἅς (giống đực), ἅς (giống cái), ἅς (giống trung)					
	SỐ ÍT			SỐ NHIỀU		
	ἅς	ἅσα	ἅν	ἅς	ἅσα	ἅν
[dc]	πᾶς	πᾶσα	πᾶν	πάντες	πάσαι	πάντα
[hc]	πᾶς	πᾶσα	πᾶν	πάντες	πάσαι	πάντα
[dc]	πάντα	πάσαν	πάν	πάντας	πάσας	πάντα
[tc]	παντός	πάσης	παντός	πάντων	πασῶν	πάντων
[tgc]	παντί	πάση	παντί	πάσι[ν]	πάσαις	πάσι[ν]

CĂN THẬN

Cấu trúc của πᾶς, rất thông dụng nhưng đôi khi lại đặc biệt:

πᾶς ἄνθρωπος *tất cả mọi người*
 πᾶς ὁ λαός *toàn thể dân chúng*
 πάντα *tất cả mọi sự, tất cả mọi điều*
 πᾶς ὁ πιστεύων *bất kỳ ai [= tất cả những ai tin]*

NHẮC NHỚ

- Các dấu ở giống đực số ít thuộc về các từ đơn âm (một âm tiết duy nhất – monosyllabique)
- Dạng thức thuộc cách ở giống cái số nhiều cũng giữ cách đặt như các thể từ thuộc dạng thức biến thể thứ nhất.

HỖ TRỢ : các dấu có làm anh chị lo ngại không? Nhưng anh chị đừng quên mục đích của anh chị là dịch Hy-lạp sang tiếng Việt...

Từ vựng

ἄδικος, ον	bất công
αἰώνιος, ον	đời đời
ἀκάθαρτος, ον	ô uế, (giống đực và cái)
ἀληθής, ές	thật sự, thực (giống đực và cái)
ἀληθινός, ή, όν	thật sự, chân chính
ἀσθενής, ές	yếu đuối, bệnh tật [<i>asthénie</i>]
ἴδιος, ία, ον	của riêng, đặc biệt, riêng biệt
πάς, πάσα, πάν	tất cả, bất kỳ, bất cứ (giống đực và cái)

Khi một tính từ có 2 thể thức, giống đực và giống cái sẽ như nhau.